



## ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

NGUYỄN HỮU NGÀ

### 3. THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DÂN TỘC THIỂU SỐ (DTTS)

#### 1. Đội ngũ cán bộ, công chức DTTS ở cấp tỉnh

*Cơ cấu về giới:*

Tỷ lệ bình quân chung của đội ngũ cán bộ, công chức DTTS ở cấp tỉnh như sau: Nữ 30,8%, nam 69,2%. Tuy vậy, tỷ lệ cán bộ nữ trong cán bộ, công chức DTTS các tỉnh có sự khác nhau đáng kể, như ở Ninh Thuận, tỷ lệ đó là 8,6%, trong khi ở Hà Giang lại là 54%, Gia Lai - 50%...

*Về độ tuổi:*

Tỷ lệ bình quân chung: Cán bộ, công chức DTTS có độ tuổi từ 21 – 35 chiếm 26,55%; từ 36 – 45 chiếm 41,8%; từ 46 – 60 chiếm 31,7%. Nhìn chung cơ cấu về độ tuổi của cán bộ, công chức DTTS cấp tỉnh tương đối hợp lý, cán bộ trong độ tuổi 21 – 45 chiếm tỷ lệ 68,3%.

*Trình độ học vấn:*

Tỷ lệ bình quân chung: Tiểu học: 0,2%; THCS: 16,6%; THPT: 83,2%. Trình độ học vấn của cán bộ ở các tỉnh có sự khác nhau đáng kể (Trà Vinh chỉ có 50,4% cán bộ, công chức DTTS tốt nghiệp THPT, trong khi ở Lào Cai là 97,2%, Hoà Bình - 95,3%...).

*Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:*

Tỷ lệ bình quân chung: Sơ cấp - 4,7%; trung cấp - 26,6%; cao đẳng, đại học - 57,1%; trên đại học - 2,9%; ch- a qua đào tạo - 8,7%. Một số tỉnh có số cán bộ ch- a qua đào tạo về chuyên môn

nghiệp vụ chiếm tỷ lệ cao như Trà Vinh - 24,3%; Thái Nguyên - 14% và Lai Châu - 12,5%.

*Trình độ lý luận chính trị:*

Tỷ lệ bình quân chung về trình độ lý luận chính trị của cán bộ, công chức DTTS cấp tỉnh: Cử nhân - 18%; trung cấp - 21,8%; bồi dưỡng - 14,8%; ch- a qua đào tạo bồi dưỡng - 45,4%. Một số tỉnh có cán bộ, công chức DTTS ch- a qua đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị có tỷ lệ trên 60%.

*Kiến thức quản lý nhà nước:*

Tỷ lệ bình quân chung: Sơ cấp - 27,1%; trung cấp - 19,1%; đại học - 4,9%; trên đại học - 0,3% và ch- a qua đào tạo bồi dưỡng - 48,6%. Tuy nhiên, số cán bộ, công chức DTTS được đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước giữa các tỉnh không đồng đều (Gia Lai - 10,3%; Hà Giang - 18,3%, Lào Cai - 72,7%; Thái Nguyên - 93,5%).

#### 2. Đội ngũ cán bộ, công chức DTTS ở cấp huyện

*Cơ cấu về giới:*

Cán bộ nữ ở cấp huyện có tỷ lệ bình quân chung là 31%.

Nếu đánh giá theo từng tỉnh, tỷ lệ cán bộ nữ DTTS ở cấp huyện có sự chênh lệch nhau đáng kể: Gia Lai - 59,5%; Hà Giang - 53,9%, trong lúc đó tỷ lệ cán bộ nữ cấp huyện ở Thái Nguyên chỉ chiếm 14,7%.

*Về độ tuổi:*

Tỷ lệ bình quân chung: Độ tuổi từ 21 – 35 chiếm 28,2%; từ 36 – 45 chiếm 45,1%; và từ 46 – 60 chiếm 26,7%.

Cơ cấu về độ tuổi của đội ngũ cán bộ, công chức cấp huyện giữa các tỉnh có tỷ lệ khác nhau, nh-ng nhìn chung cán bộ ở độ tuổi 36 – 45 vẫn chiếm tỷ lệ cao và dao động từ 42% đến 55%.

*Trình độ học vấn:*

Tỷ lệ bình quân chung: Tiểu học - 1,5%; THCS - 18,5%; THPT - 80%. Hầu hết cán bộ, công chức DTTS ở các huyện đều có trình độ THPT với tỷ lệ từ 80 – 99%; riêng tỉnh Lâm Đồng là 55,6% và Trà Vinh chỉ đạt ở mức 31,4%.

*Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:*

Tỷ lệ bình quân chung: Sơ cấp - 7,1%; trung cấp - 31,5%; cao đẳng, đại học - 36,9%; trên đại học - 0,9%; ch- a qua đào tạo - 23,6%.

□ một số tỉnh, cán bộ, công chức DTTS cấp huyện ch- a qua đào tạo bồi d- ỡng về chuyên môn nghiệp vụ còn chiếm tỷ lệ lớn: Hoà Bình - 43,5%; Trà Vinh - 48,5%; Thái Nguyên - 41,4%.

*Trình độ lý luận chính trị:*

Tỷ lệ bình quân chung cán bộ, công chức DTTS cấp huyện có trình độ về lý luận chính trị: Sơ cấp - 15,5%; trung cấp - 27,5%; cao cấp, cử nhân - 16%; ch- a qua đào tạo bồi d- ỡng - 40,8%.

*Trình độ quản lý nhà n- ớc (QLNN):*

Tỷ lệ bình quân chung: Sơ cấp - 17,1%; trung cấp - 14,8%; đại học - 3,4%; trên đại học - 0,1% và ch- a qua đào tạo - 64,6%.

Số cán bộ đã qua đào tạo bồi d- ỡng có tỷ lệ bình quân chung là 45,4%. Một số tỉnh cán bộ cấp huyện ch- a qua đào tạo bồi d- ỡng QLNN còn chiếm tỷ lệ cao: Hà Giang - 97,1%; Lai Châu - 82,5%; Thái Nguyên - 75,3%...

**3. Đội ngũ cán bộ, công chức dân tộc thiểu số ở cấp xã**

*Cơ cấu về giới:*

Tỷ lệ cán bộ nữ bình quân là 8,1%.

Nếu xét riêng từng địa ph- ơng, cán bộ nữ DTTS ở cấp xã một số tỉnh có tỷ lệ nh- sau: Lai Châu - 8,3%; Hoà Bình - 9,2%; Lào Cai - 9,6%; Yên Bái - 8,6%; Thái Nguyên - 3,4%; Thanh Hoá - 10,1%; Nghệ An - 8,5%; Lâm Đồng - 10,6%; Trà Vinh - 4,6%.

*Về độ tuổi:*

Tỷ lệ bình quân chung: Độ tuổi từ 21 – 35: 20,4%; từ 36 – 45: 49,3%; từ 46 – 60: 30,3%. Nhìn chung cơ cấu về độ tuổi của cán bộ DTTS cấp xã t- ơng đối hợp lý.

*Về trình độ học vấn:*

Tỷ lệ bình quân chung: Tiểu học - 23,2%; THCS - 47,9%; THPT - 28,9%.

Từ kết quả điều tra cho thấy trình độ học vấn đội ngũ cán bộ xã còn thấp, tỷ lệ tốt nghiệp PTTH hầu hết chỉ ở mức 35% - 40%, thậm chí nh- tỉnh Lào Cai chỉ đạt 10%.

*Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:*

Tỷ lệ bình quân chung về chuyên môn nghiệp vụ: Sơ cấp - 4,1%; trung cấp - 13,7%; cao đẳng, đại học - 1,9%; ch- a qua đào tạo - 80,3%.

*Trình độ lý luận chính trị:*

Tỷ lệ bình quân chung về trình độ lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ cấp xã: Sơ cấp - 14,4%; trung cấp - 30,2%; cao cấp, cử nhân - 0,5%; ch- a qua đào tạo, bồi d- ỡng - 54,6%.

Cán bộ DTTS cấp xã đã đ- ợc đào tạo bồi d- ỡng về lý luận đạt mức bình quân chung là 45,4% (Lai Châu - 95%; Hoà Bình - 68,1%; Yên Bái - 70,3%).

*Trình độ quản lý nhà n- ớc:*

Tỷ lệ bình quân chung: Sơ cấp - 20,9%; trung cấp - 7,9%; ch- a qua đào tạo bồi d- ỡng - 71,2%.

Cán bộ DTTS cấp xã ch-a qua đào tạo bồi d-ỡng kiến thức quản lý nhà n-ớc chiếm tỷ lệ qua đào tạo còn chiếm tỷ lệ cao nh- Gia Lai - 93,1%; Thái Nguyên - 83,5%; Hoà Bình - 71,2%. Một số tỉnh cán bộ xã ch-a 72,8%; Trà Vinh - 66,7%...

**Biểu 1. Tổng hợp chất lượng cán bộ, công chức DTTS theo cấp quản lý**

TT	Danh mục	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
<b>1</b>	<b>Giới tính</b>			
	Nam	69,2	69,0	91,9
	Nữ	30,8	31,0	8,1
<b>2</b>	<b>Độ tuổi</b>			
	21 – 34	26,5	28,2	20,8
	35 – 45	41,8	45,1	50,6
	46 – 60	31,7	26,7	28,6
<b>3</b>	<b>Trình độ học vấn</b>			
	Tiểu học	0,2	1,5	23,2
	THCS	16,6	18,5	47,9
	THPT	83,2	80	28,9
<b>4</b>	<b>Chuyên môn, nghiệp vụ</b>			
	Sơ cấp	4,7	7,1	4,1
	Trung cấp	26,6	31,5	13,7
	Cao đẳng, đại học	57,1	36,9	1,9
	Trên đại học	2,9	0,9	-
	Ch- a qua đào tạo	8,7	23,6	80,3
<b>5</b>	<b>Trình độ lý luận chính trị</b>			
	Bồi d-ỡng	14,8	15,5	14,4
	Trung cấp	21,8	27,7	30,2
	Cao cấp, cử nhân	18	16,0	0,5
	Ch- a qua đào tạo	45,7	40,8	54,6
<b>6</b>	<b>Trình độ quản lý NN</b>			
	Sơ cấp	27,1	17,1	20,1
	Trung cấp	19,1	14,8	7,9
	Đại học	4,9	3,4	-
	Trên đại học	0,3	0,1	-
	Ch- a qua đào tạo	48,6	64,6	72

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số. Các chính sách thể hiện sự ưu đãi của Nhà nước đối với đồng bào DTTS; do vậy, chỉ trong 10 năm đổi mới, tốc độ tăng cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng trong cả nước là 3,08 lần thì tốc độ tăng cán bộ, công chức DTTS ở

cùng trình độ là 3,45 lần. Tuy vậy, tỷ lệ cán bộ, công chức DTTS có trình độ đại học, cao đẳng vẫn thấp hơn mặt bằng chung của cả nước và tỷ lệ cán bộ giữa các DTTS cũng có sự chênh lệch nhau đáng kể. Biểu 2 dưới đây cho thấy tình hình này ở một số dân tộc thiểu số trong 10 năm đầu đổi mới.

**Biểu 2. Tỷ lệ cán bộ, công chức DTTS có trình độ đại học, cao đẳng so với số dân**

Dân tộc	Tỷ số cán bộ được đào tạo cao đẳng, đại học so với số dân		
	Năm 1989	Năm 1999	Tốc độ tăng (lần)
1. Tày	1/119	1/58	2,05
2. Thái	1/664	1/246	2,73
3. Mường	1/356	1/130	2,73
4. Nùng	1/309	1/133	2,32
5. Hmông	1/4528	1/1128	4,01
6. Dao	1/1952	1/620	3,15
7. Gia rai	1/2418	1/1188	2,03
8. Ê-đê	1/809	1/285	2,84
9. Ba-na	1/2680	1/826	3,24
10. Xơ-đăng	1/3217	1/614	5,24
11. Cơ-ho	1/3067	1/386	7,94
12. Chăm	1/528	1/98	5,38
13. Hrê	1/1539	1/349	4,4
14. Ra-glai	1/6511	1/1211	5,37
15. Xtiêng	1/25060	1/5068	4,95
16. Khơ-me	1/2154	1/593	3,63
17. Hoa	1/380	1/113	3,36

Kết quả điều tra khảo sát tại các địa phương cho thấy đội ngũ cán bộ, công chức DTTS trong những năm qua có sự phát triển kể cả về số lượng và chất lượng, song giữa các vùng, miền, giữa các DTTS phát triển chưa đồng đều. Tại các tỉnh

miền núi phía Bắc, tỷ lệ cán bộ, công chức DTTS bằng 1,4% so với số dân là người DTTS; khu vực Đông Nam Bộ và Nam Bộ là 1,1%; khu vực Tây Nguyên - 1%.

## II. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DTTS TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

### 1. Yêu cầu đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS trong giai đoạn đổi mới

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS phù hợp giai đoạn mới cần phải dựa vào các căn cứ:

- Chủ trương của Đảng về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
- Tiêu chuẩn cán bộ, công chức ở từng cấp, từng lĩnh vực.
- Thực trạng tình hình đội ngũ cán bộ, công chức.

Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và đặc biệt là Nghị quyết TW 2 khoá VIII đã đề ra định hướng phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nghị quyết đã thể hiện rõ chủ trương lớn của Đảng, coi phát triển giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cơ bản quan trọng nhất cho sự phát triển của đất nước.

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục - đào tạo, đồng thời Nghị quyết đã chỉ rõ định hướng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ DTTS: "Làm tốt công tác quy hoạch và đào tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ nữ và cán bộ các dân tộc thiểu số, chuyên gia trên các lĩnh vực"<sup>(1)</sup>.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá IX đã đề ra nhiệm vụ: "Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số cho từng vùng, từng dân tộc"<sup>(2)</sup>.

Cụ thể hoá Nghị quyết của Đảng, Nhà nước đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ như: Quyết định số 874/TTg ngày 20/11/1996 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ công chức; Thông tư liên tịch số 79/TTLT ngày 19/9/1997 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 874/TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 74/2001/QĐ-TTg ngày 7/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2001 - 2005; Văn bản 1189/CP-ĐPI ngày 27/12/2000 của Chính phủ về việc điều tra, đánh giá đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số và lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

Các văn bản pháp lý nói trên đóng một vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nói chung và cán bộ, công chức DTTS, cán bộ làm công tác dân tộc.

Cán bộ, công chức nói chung phải có phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn, năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Ở từng cấp đã có quy định cụ thể phải đào tạo về chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý hành chính, ngoại ngữ, tiếng dân tộc. Những quy định đó là cơ sở để quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong những năm trước mắt và lâu dài.

Nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS trong thời gian tới rất lớn và tập trung vào các nội dung chính như: Quản lý kinh tế, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, khoa học kỹ thuật, vấn đề dân tộc - tôn giáo, chính sách dân tộc. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức DTTS ở 3 cấp hành chính đã bộc lộ điểm đáng lưu ý là: Trình độ cán bộ, công chức DTTS cấp xã còn nhiều hạn chế, nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cao. Điều đó chứng tỏ giữa đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ và chính sách cán bộ ở cấp xã có liên quan, tác động đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Do yêu cầu nâng cao trình

<sup>(1)</sup> Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2001, tr.141.

<sup>(2)</sup> Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 BCHTW khoá IX, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2003, tr.41.

độ đáp ứng nhiệm vụ của cán bộ công chức, mặt khác cũng do vấn đề tiêu chuẩn hoá các chức danh công chức nên nhu cầu đào tạo bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ... ở cấp tỉnh và huyện tương đối cao.

**Biểu 3. Nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS**

*Đơn vị tính: %*

TT	Nội dung đào tạo bồi dưỡng	Cấp tỉnh			Cấp huyện			Cấp xã		
		Đảng	C.Q	Đ.thể	Đảng	C.Q	Đ.thể	Đảng	C.Q	Đ.thể
1	Quản lý kinh tế	69,5	71	39,9	85,9	49,8	45,6	52	54	27,2
2	Lý luận chính trị	26	52	68,5	34,6	36,6	73,4	38,5	28,5	39,8
3	Quản lý Nhà nước	43,9	52	43,4	45,4	41,5	59,2	19,7	43	35
4	Khoa học kỹ thuật	45,7	29,5	39,9	43,7	39,8	15,3	28,3	29,9	33,5
5	Tiếng dân tộc	19,7	11	53,1	16,8	10,9	8,2	1,8	1,7	5,8
6	Ngoại ngữ	13,1	26	48,8	32,6	22,5	43,9	5,9	4,7	2,6
7	Vấn đề dân tộc, tôn giáo	63,6	28,5	72,5	59	18,8	65,3	23,2	2,9	2,9
8	Văn hoá dân tộc	51,2	21	36,2	43,1	16,5	65,4	5,8	2,9	5,8
9	Công tác dân vận	68,9	25,9	78,8	37,5	17,5	65,3	16,9	8,8	39,5
10	Chính sách dân tộc	57,2	35,7	78,9	53,6	44,0	61,3	28	24,9	23,9
11	Nội dung khác	13,5	18,2	18,2	10,6	2,9	22,4	1,0	1,5	5,4

**2. Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng**

Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS phải đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn của cán bộ và tính chất đặc thù của vùng dân tộc. Vì vậy, việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phải đảm bảo tính khoa học, có hệ thống, phù hợp với mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải phù hợp với đối tượng, những điều kiện cụ thể của từng vùng.

*Về chuyên môn nghiệp vụ:*

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức DTTS có kiến thức về khoa học kỹ thuật, văn hóa, xã hội là xuất phát từ yêu cầu của chiến

lược phát triển kinh tế – xã hội – quốc phòng an ninh ở miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng cần có kế hoạch đào tạo để nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức theo từng lĩnh vực chuyên môn, gắn với chức danh của cán bộ; đảm bảo cán bộ, công chức ở từng cấp, từng lĩnh vực, từng vùng có trình độ chuyên môn theo quy định của Nhà nước (Quyết định số 74/2001/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ).

*Về lý luận chính trị, đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước:*

Đào tạo về lý luận chính trị theo quy định cho cán bộ ở từng cấp; đồng thời hàng năm tiến hành

mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức DTTS và cán bộ làm công tác dân tộc quán triệt Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước.

#### *Về quản lý hành chính Nhà nước:*

Yêu cầu đặt ra đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS về quản lý nhà nước, cán bộ, công chức DTTS cần được bồi dưỡng nội dung quản lý nhà nước về dân tộc gắn liền với việc tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, miền núi của Đảng và Nhà nước ta.

#### *Về học tiếng dân tộc:*

Cần thực hiện tốt phương châm: “Cán bộ đi làm việc ở chỗ nào, phải học tiếng ở đấy”<sup>(1)</sup>. Ủy ban Dân tộc cần tổ chức biên soạn tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu và học tiếng dân tộc. Trước mắt phải nghiên cứu, chuẩn bị tài liệu về một trong những ngôn ngữ như Tày, Thái, Hmông, Gia rai, Ê đê... là ngôn ngữ dân tộc phổ thông theo vùng để phục vụ cho cán bộ, công chức đang công tác ở các vùng dân tộc.

Hiện nay, đa số cán bộ, công chức mới được đào tạo về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; còn lý luận chính trị, quản lý hành chính, tiếng dân tộc chưa được đào tạo tương xứng với trình độ chuyên môn và vị trí công tác. Như vậy, cần nghiên cứu để xây dựng kết cấu chương trình trong các cơ sở đào tạo để đáp ứng yêu cầu thực tế.

### **3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng**

Yêu cầu hiện nay là phải nghiên cứu các loại hình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với cán bộ ở từng cấp; vừa giải quyết yêu cầu cấp bách trước mắt, nhưng phải đảm bảo yêu cầu lâu dài là đào tạo cán bộ theo tiêu chuẩn chức danh.

Tới nay, chúng ta vẫn đang áp dụng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng phổ biến:

- Đào tạo chính quy
- Đào tạo tại chức
- Bồi dưỡng.

Cần phải nghiên cứu việc áp dụng từng loại hình đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với đối tượng ở từng cấp.

#### **Đào tạo chính quy:**

Theo Quyết định số 74/QĐ - TTg ngày 07 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của giai đoạn 2001 – 2005 có quy định:

+ Bảo đảm đến năm 2005 có 100% cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên (dưới 45 tuổi) có trình độ đại học về chuyên môn và cao cấp lý luận chính trị.

+ Đối với cán bộ cơ sở xã phải đảm bảo từ 25 đến 50% có trình độ trung cấp về chuyên môn và lý luận chính trị.

+ Đối với cán bộ trong diện quy hoạch cần phải tuyển chọn hoặc bố trí học hệ chính quy để giúp cán bộ nắm vững về chuyên môn.

#### **Đào tạo tại chức:**

Có một số vấn đề cần được xem xét:

- + Đối tượng
- + Quy trình đào tạo
- + Lĩnh vực nào còn có thể đào tạo tại chức
- + Việc sử dụng cán bộ được đào tạo tại chức

Đối với cán bộ, công chức DTTS ở trong diện cần được bổ sung thêm kiến thức, hoặc không còn điều kiện để theo học các lớp dài hạn có thể học tại chức.

#### **Bồi dưỡng cán bộ:**

Đối với cán bộ công tác ở các tỉnh có thể áp dụng nhiều hình thức bồi dưỡng; có thể phối hợp với các học viện, các trường đại học, trường chính trị của tỉnh để bồi dưỡng chuyên môn, lý luận chính trị, công tác dân tộc.

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.11, tr137.

Đặc biệt, cần quan tâm tới việc tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt ở cơ sở xã về chuyên môn, quản lý nhà nước, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Trong quá trình quy hoạch để đào tạo cán bộ chủ chốt cơ sở xã có trình độ trung cấp về chuyên môn, lý luận chính trị phải đặc biệt quan tâm tổ chức bồi dưỡng để khắc phục sự hụt hẫng về trình độ, về nhận thức cho lớp cán bộ đang chức hiện nay. Hàng năm, tỉnh, huyện cần tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ chủ chốt cơ sở xã. Theo yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới, cán bộ chủ chốt và các chức danh chuyên môn ở xã cần phải có trình độ chuyên môn và lý luận chính trị từ trung cấp trở lên.

Do vậy, trong công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ chủ chốt cơ sở xã ở vùng dân tộc, miền núi phải có kế hoạch cụ thể:

- Lựa chọn số cán bộ tại địa phương thuộc diện đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự đã tốt nghiệp THPT để đi đào tạo.

- Tuyển chọn số học sinh đã tốt nghiệp THPT để đi đào tạo.

Đồng thời, để giúp số cán bộ, công chức đang chức có thể hoàn thành được công việc đảm nhiệm, phải tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn ngày, có nội dung chi tiết cụ thể, sát hợp.

Để đảm bảo 100% cán bộ chủ chốt cơ sở xã vùng dân tộc có trình độ chuyên môn và lý luận chính trị từ trung cấp trở lên phải kết hợp giữa quy hoạch, kế hoạch đào tạo, đồng thời có sự tăng cường cán bộ từ cấp tỉnh và huyện. Mặt khác, phải có chính sách tuyển dụng số sinh viên đã tốt nghiệp đại học là người địa phương hoặc ở nơi khác tình nguyện về công tác ở cơ sở.

Như vậy, công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức DTTS trong giai đoạn hiện

nay phải được nghiên cứu trong mối quan hệ chung để đảm bảo thực hiện đầy mạnh phát triển kinh tế – xã hội; trước hết là đào tạo được đội ngũ cán bộ có đủ trình độ ngang tầm nhiệm vụ mới.

Phải xác định việc đổi mới có tính chiến lược trong xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS, trong đó cần đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức DTTS; coi đây như một vấn đề cơ bản, có tính quyết định tới chất lượng đội ngũ cán bộ DTTS.

### III. KIẾN NGHỊ

Trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS cần được tổ chức theo định hướng cơ bản sau đây:

1. Xác định tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức ở từng cấp, từng ngành.
2. Đổi mới công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS.
3. Đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS.
4. Tạo nguồn cán bộ, công chức DTTS cho miền núi, vùng dân tộc.
5. Bổ sung, hoàn chỉnh chế độ, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức DTTS.
6. Xây dựng, củng cố hệ thống cơ sở đào tạo cán bộ, công chức DTTS.
7. Luân chuyển, tăng cường cán bộ, đặc biệt quan tâm tăng cường cán bộ cho cơ sở xã.
8. Có cơ chế chính sách, chế độ cụ thể về đào tạo, quản lý và sử dụng sau đào tạo đối với cán bộ, công chức là người DTTS.